**CHUYÊN ĐỀ**

**Kinh nghiệm quốc tế về đánh giá sự phù hợp (hợp chuẩn) trong thương mại**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

***Người thực hiện: Ths. Phạm Quốc Cường,***

***Trưởng phòng Vận tải - KHCN,***

***Cục Đường sắt Việt Nam.***

**I. Các nội dung cơ bản của** **Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

***Điều 1***: Các quy định chung

1.1. Các thuật ngữ chung về tiêu chuẩn hóa và các thủ tục đánh giá tính phù hợp cần phải được định nghĩa đúng với các định nghĩa theo hệ thống của Liên Hợp Quốc và các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, xét đến bối cảnh của chúng và xét đến đối tượng và mục đích của Hiệp định này.

1.2. Tuy nhiên, nhằm thực hiện Hiệp định này, định nghĩa được áp dụng ở đây được nêu trong Phụ lục 1.

1.3. Tất cả các sản phẩm, kể cả các sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp đều là đối tượng của các quy định của Hiệp định này.

1.4. Quy cách cụ thể về mua sắm của các cơ quan chính phủ cho các nhu cầu về sản xuất và tiêu dùng không phải là đối tượng của các quy định của Hiệp định này nhưng được đề cập đến trong Hiệp định về Mua sắm Chính phủ, tuỳ thuộc vào diện điều chỉnh của Hiệp định đó.

1.5. Các quy định của Hiệp định này không áp dụng cho các biện pháp kiểm dịch động-thực vật như được định nghĩa tại Phụ lục A của Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp kiểm dịch động-thực vật.

1.6. Tất cả các tham chiếu trong Hiệp định này đối với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp cần phải được hiểu rằng bao gồm tất cả các sửa đổi và bổ sung đối với các quy định hoặc phạm vi bao trùm của sản phẩm, ngoại trừ các sửa đổi và bổ sung không quan trọng.

CÁC QUY ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

***Điều 2:*** Chuẩn bị, thông qua và áp dụng các quy định kỹ thuật của các cơ quan chính phủ

Đối với các cơ quan chính phủ:

2.1.Các Thành viên đảm bảo rằng, đối với các quy định kỹ thuật, các sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất cứ Thành viên nào đều được đối xử không kém phần ưu đãi hơn so với hàng hóa tương tự được sản xuất trong nước của Thành viên đó và hàng hóa tương tự có xuất xứ từ bất kỳ nước nào khác.

2.2.Các Thành viên đảm bảo rằng các quy định kỹ thuật không được chuẩn bị, thông qua và áp dụng với mục đích tạo ra các cản trở không cần thiết cho thương mại quốc tế. Với mục đích này, các quy định về kỹ thuật không được gây hạn chế cho thương mại hơn mức cần thiết để hoàn tất một mục tiêu hợp pháp, có tính đến các rủi ro có thể nảy sinh từ sự không hoàn tất. Các mục tiêu hợp pháp đó là: các yêu cầu về an ninh quốc gia; việc ngăn ngừa các hoạt động gian lận, bảo vệ sức khỏe và an toàn cho con người, động thực vật hoặc môi trường. Khi đánh giá các rủi ro này, các yếu tố liên quan trong số các yếu tố cần xem xét là: các thông tin khoa học và kỹ thuật hiện có, công nghệ chế biến có liên quan hoặc mục đích sử dụng cuối cùng theo dự tính của các sản phẩm.

2.3.Các quy định kỹ thuật không được duy trì nếu hoàn cảnh và mục đích để áp dụng các quy định kỹ thuật này không còn tồn tại nữa hoặc các hoàn cảnh và mục tiêu đã thay đổi có thể được giải quyết bằng cách thức ít gây trở ngại cho thương mại hơn.

2.4.Khi có yêu cầu áp dụng các quy định kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan đã tồn tại hoặc sắp được hoàn chỉnh, các Thành viên sẽ sử dụng chúng, hoặc một phần thích hợp của chúng, để làm cơ sở cho các quy định kỹ thuật của mình trừ khi các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan hoặc một phần nào đó của các tiêu chuẩn này là các cách thức không có hiệu quả hoặc không phù hợp cho việc thực hiện các mục tiêu hợp pháp đang đeo đuổi, ví dụ như các yếu tố cơ bản về khí hậu hoặc địa lý hoặc các vấn đề cơ bản về công nghệ.

2.5.Một Thành viên khi chuẩn bị, thông qua hoặc áp dụng một quy định có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến thương mại của các Thành viên khác, khi được một nước Thành viên khác yêu cầu, sẽ phải giải trình về quy định kỹ thuật đó theo yêu cầu của khoản 2 đến 4. Khi một quy định kỹ thuật được chuẩn bị, thông qua hoặc áp dụng cho một trong những mục tiêu hợp pháp đã được đề cập đến trong khoản 2, và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan thì quy định này sẽ được coi là không tạo ra cản trở không cần thiết cho thương mại quốc tế.

2.6.Với mục đích hài hòa các quy định kỹ thuật trên cơ sở rộng rãi nhất có thể được, các Thành viên sẽ tham gia đầy đủ, theo khả năng của mình, vào quá trình chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế của các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế với các sản phẩm mà các quy định kỹ thuật đã được các Thành viên chấp nhận hoặc dự tính chấp nhận.

2.7.Các Thành viên sẽ tích cực xem xét để chấp nhận các quy định kỹ thuật tương ứng của các Thành viên khác, cho dù các quy định này khác với các quy định của nước mình, nếu như các Thành viên đó thấy rằng các quy định này đáp ứng đầy đủ mục tiêu đặt ra cho các quy định của chính mình.

2.8.Khi thấy thích hợp, các Thành viên sẽ cụ thể hóa các quy định kỹ thuật dựa trên tính năng của sản phẩm chứ không phải là yêu cầu về kiểu dáng hoặc đặc tính mô tả của sản phẩm đó.

2.9.Khi một tiêu chuẩn quốc tế có liên quan không tồn tại hoặc nội dung kỹ thuật của một quy định kỹ thuật được dự kiến không phù hợp với nội dung kỹ thuật của các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, và có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương mại của các Thành viên khác, các Thành viên phải:

2.9.1.công bố trên một ấn phẩm vào thời điểm đủ sớm để các bên hữu quan ở các Thành viên khác được biết rằng mình dự định đưa vào áp dụng một quy định kỹ thuật cụ thể nào đó;

2.9.2. qua Ban Thư ký thông báo cho các Thành viên khác về các sản phẩm dự kiến sẽ phải áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, cùng với chỉ dẫn ngắn gọn về các mục tiêu và lý do áp dụng. Thông báo này sẽ sớm được đưa ra để có thể sửa đổi và xem xét các ý kiến đóng góp;

2.9.3. khi được yêu cầu, phải cung cấp cho các Thành viên khác bản sao của quy định kỹ thuật dự định áp dụng và, khi cần thiết, làm rõ những phần nội dung của quy định đó có sự khác biệt với các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan;

2.9.4.trên cơ sở không phân biệt đối xử, dành thời gian hợp lý cho các Thành viên khác góp ý kiến bằng văn bản, thảo luận về các góp ý này khi được yêu cầu và có xem xét đến các ý kiến đóng góp và kết quả của các cuộc thảo luận này.

2.10.Tuỳ thuộc các quy định nêu tại phần bắt đầu khoản 2.9 khi nảy sinh hoặc đe doạ nảy sinh các vấn đề khẩn cấp về bảo vệ an toàn, sức khỏe, môi trường hoặc an ninh quốc gia đối với một Thành viên nào đó, thì Thành viên này có thể bỏ qua các bước được nêu cụ thể trong khoản 9, được xem là cần thiết. Tuy nhiên, ngay sau khi thông qua một tiêu chuẩn kỹ thuật, Thành viên này sẽ:

2.10.1. ngay lập tức thông báo cho các Thành viên khác thông qua Ban Thư ký về quy định kỹ thuật cụ thể đó và các sản phẩm là đối tượng của quy định này với chỉ dẫn ngắn gọn về mục tiêu và lý do áp dụng quy định kỹ thuật này, trong đó có nêu thực trạng của các vấn đề khẩn cấp;

2.10.2. khi được yêu cầu, cung cấp cho các Thành viên khác bản sao của quy định kỹ thuật;

2.10.3. trên cơ sở không phân biệt đối xử, cho phép các Thành viên khác góp ý bằng văn bản, thảo luận về các ý kiến đó khi được yêu cầu và có xem xét đến các ý kiến đóng góp và kết quả của các cuộc thảo luận này.

2.11.Các Thành viên đảm bảo rằng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã thông qua phải được công bố ngay hoặc được chuẩn bị sẵn sàng để tạo điều kiện cho các bên quan tâm của các Thành viên khác được biết.

2.12. Trừ các trường hợp khẩn cấp được đề cập đến trong khoản 10, các Thành viên cần tạo ra một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố các tiêu chuẩn kỹ thuật và thời điểm các quy định đó bắt đầu có hiệu lực để có thời gian cho các nhà sản xuất của các Thành viên xuất khẩu khác điều chỉnh các sản phẩm hoặc phương pháp sản xuất cho phù hợp với các yêu cầu của các Thành viên nhập khẩu.

***Điều 3:*** Chuẩn bị, thông qua và áp dụng các quy định kỹ thuật của các cơ quan của chính quyền địa phương và các cơ quan phi chính phủ

Đối với các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ quan phi chính phủ trong phạm vi lãnh thổ của mình:

3.1.Các Thành viên có các biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo các cơ quan nói trên tuân thủ các quy định nêu tại Điều 2, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo như được nêu tại các khoản 9.2 và 10.1 của Điều 2.

3.2.Các Thành viên đảm bảo rằng quy định kỹ thuật của các cơ quan chính quyền địa phương trực tiếp dưới cấp trung ương được thông báo theo như các quy định của các khoản 9.2 và 10.1 của Điều 2, tuy nhiên các quy định kỹ thuật sẽ không cần phải thông báo nếu như nội dung kỹ thuật của chúng cơ bản giống với nội dung của các quy định kỹ thuật của các cơ quan chính phủ tại các nước Thành viên hữu quan đã được thông báo từ trước.

3.3.Các Thành viên có thể yêu cầu liên hệ với các Thành viên khác về những nội dung trong đó có thông báo, cung cấp thông tin, góp đóng ý kiến, và thảo luận như được nêu tại khoản các 9 và 10 của Điều 2, tiến hành thông qua chính phủ.

3.4.Các Thành viên không được tiến hành các biện pháp nhằm yêu cầu hoặc khuyến khích các cơ quan chính quyền địa phương hoặc các tổ chức phi chính phủ trong lãnh thổ của mình hành động theo một cách thức nào mâu thuẫn với các quy định của Điều 2.

3.5.Các Thành viên hoàn toàn chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều 2 theo Hiệp định này. Các Thành viên sẽ xây dựng và thực hiện các biện pháp và cơ chế tích cực để hỗ trợ các cơ quan không phải của chính phủ tuân thủ các quy định của Điều 2.

***Điều 4:*** Chuẩn bị, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn

4.1.Các Thành viên đảm bảo rằng các cơ quan tiêu chuẩn hóa của chính phủ chấp nhận và tuân thủ Quy tắc Thực hành đúng (Code of Good Practice) để chuẩn bị, thông qua và áp dụng các tiêu chuẩn được nêu tại Phụ lục 3 của Hiệp định này (trong Hiệp định này được gọi là "Quy tắc Thực hành đúng"). Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo rằng các cơ quan tiêu chuẩn hóa của chính quyền địa phương và các tổ chức tiêu chuẩn hóa phi chính phủ trong lãnh thổ của mình, cũng như các cơ quan tiêu chuẩn hóa trong khu vực mà các Thành viên đó hoặc một hoặc nhiều cơ quan đóng trên lãnh thổ của Thành viên trong vùng đó là thành viên, chấp nhận và thuân thủ Quy tắc Thực hành đúng này. Ngoài ra, các Thành viên không được tiến hành các biện pháp gây ra tác động, dù trực tiếp hoặc gián tiếp, yêu cầu hoặc khuyến khích các cơ quan tiêu chuẩn hóa này hành động theo cách thức nào mâu thuẫn với Quy tắc Thực hành đúng. Các Thành viên cần thực hiện nghĩa vụ về đảm bảo sự tuân thủ các quy định của Quy tắc Thực hành đúng của các cơ quan tiêu chuẩn hóa bất kể các cơ quan tiêu chuẩn hóa đó có chấp nhận Quy tắc Thực hành đúng này hay không.

4.2.Các cơ quan tiêu chuẩn hóa đã chấp thuận và tuân thủ Quy tắc Thực hành đúng sẽ được các Thành viên công nhận là tuân thủ các nguyên tắc của Hiệp định này.

SỰ PHÙ HỢP VỚI CÁC QUY ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

***Điều 5:*** Thủ tục đánh giá tínhphù hợp của các cơ quan chính phủ

5.1.Các Thành viên đảm bảo rằng, trong trường có hợp yêu cầu sự đảm bảo về tính phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật, các cơ quan chính phủ sẽ áp dụng các quy định sau đối với các sản phẩm có xuất xứ từ lãnh thổ của nước Thành viên khác:

5.1.1.các thủ tục đánh giá tính phù hợp cần được chuẩn bị, thông qua và áp dụng sao cho các nhà cung cấp các sản phẩm tương tự có xuất xứ từ lãnh thổ nước Thành viên khác được hưởng các đối xử không kém phần ưu đãi hơn các đối xử dành cho các nhà cung cấp các sản phẩm tương tự được sản xuất trong nước hoặc các sản phẩm tương tự có xuất xứ từ bất kỳ nước nào khác trong các hoàn cảnh tương đương; dành quyền cho các nhà cung cấp chịu sự đánh giá tính phù hợp theo các quy tắc của thủ tục đó, bao gồm, nếu thấy trong thủ tục cho phép, khả năng để các hoạt động đánh giá tính phù hợp được tiến hành tại cơ sở và khả năng được cấp nhãn hiệu phù hợp của hệ thống đó;

5.1.2.các thủ tục đánh giá tính phù hợp không được chuẩn bị, thông qua hoặc áp dụng với mục đích hoặc với kết quả tạo ra các trở ngại không cần thiết cho thương mại quốc tế. Điều đó có nghĩa là, các thủ tục đánh giá sự phù hợp không được nghiêm ngặt hơn, hay là được áp dụng nghiêm ngặt hơn mức cần thiết để tạo cho nước Thành viên nhập khẩu niềm tin đúng mức rằng các sản phẩm tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật đang áp dụng, có tính đến rủi ro mà sự không phù hợp có thể gây ra.

5.2.Khi thực hiện các quy định của khoản 1, các Thành viên cần đảm bảo rằng:

5.2.1.các thủ tục đánh giá tính phù hợp cần được tiến hành và hoàn thành càng nhanh chóng càng tốt và phải dành ưu đãi cho các sản phẩm có xuất xứ từ lãnh thổ nước Thành viên khác tương tự như ưu đãi dành cho các sản phẩm tương tự được sản xuất trong nước;

5.2.2.giai đoạn xử lý tiêu chuẩn của mỗi thủ tục đánh giá phù hợp được công bố hoặc giai đoạn đánh giá được dự đoán trước phải được thông báo cho người nộp đơn khi có yêu cầu; khi nhận được đơn yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền phải ngay lập tức nghiên cứu tính đầy đủ của các tài liệu và thông báo cho người nộp đơn một cách đầy đủ và chính xác về tất cả các thiếu sót của các tài liệu này; cơ quan có thẩm quyền thông báo cho người nộp đơn các kết quả đánh giá tính phù hợp một cách đầy đủ và chính xác để các biện pháp sửa chữa có thể thực hiện kịp thời; ngay cả khi hồ sơ không đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền cũng phải tiến hành đánh giá tính phù hợp tới mức thực tiễn cho phép khi có yêu cầu của người nộp đơn và khi người nộp đơn có yêu cầu, sẽ được thông báo về tiến trình của thủ tục và được giải thích về bất cứ trì hoãn nào;

5.2.3.các yêu cầu về thông tin được giới hạn ở mức cần thiết để đánh giá tính phù hợp và xác định mức phí;

5.2.4.tính bảo mật của thông tin về các sản phẩm có xuất xứ từ lãnh thổ của nước Thành viên khác nảy sinh trong quá trình thực hiện các thủ tục đánh giá tính phù hợp sẽ được giữ bí mật tương tự như các sản phẩm sản xuất trong nước sao cho các lợi ích thương mại hợp pháp được bảo vệ;

5.2.5.bất kỳ các khoản thu phí nào với việc đánh giá tính phù hợp của các sản phẩm có xuất xứ từ lãnh thổ của các Thành viên khác đều công bằng so với phí thu cho việc đánh giá tính phù hợp của các sản phẩm tương tự có xuất xứ từ nước sở tại hoặc từ bất cứ nước nào khác, trong đó có tính đến chi phí thông tin, giao thông và các chi phí khác nảy sinh do sự khác nhau về vị trí giữa trụ sở của người nộp đơn và các cơ quan đánh giá tính phù hợp;

5.2.6.việc chọn địa điểm của cơ sở vật chất sử dụng cho các thủ tục đánh giá tính phù hợp và việc chọn mẫu không được gây ra sự phiền phức không cần thiết cho người nộp đơn hoặc đại lý của họ;

5.2.7.khi quy cách phẩm chất của một sản phẩm được thay đổi sau khi đã có kết quả đánh giá tính phù hợp của sản phẩm đó đối với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng, thủ tục đánh giá tính phù hợp cho các sản phẩm đã thay đổi này được giới hạn ở mức cần thiết để xác định rằng liệu sản phẩm đó có còn đáp ứng được các quy định và tiêu chuẩn có liên quan hay không;

5.2.8.duy trì thủ tục để xem xét các khiếu nại liên quan đến việc thực hiện thủ tục đánh giá tính phù hợp và tiến hành hành động điều chỉnh khi khiếu nại đó được giải quyết.

5.3.Không có quy định nào trong khoản 1 và 2 của Điều 5 có thể ngăn cản các Thành viên tiến hành việc kiểm tra hợp lý tại hiện trường trong phạm vi lãnh thổ của mình.

5.4.Trong trường hợp đòi hỏi có bảo đảm rằng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn hoặc quy định kỹ thuật và các hướng dẫn hoặc khuyến nghị có liên quan hiện hành hoặc sắp được ban hành của các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế, các Thành viên cần đảm bảo rằng các cơ quan chính phủ sử dụng toàn bộ hoặc một phần các quy định, tiêu chuẩn, các hướng dẫn hoặc khuyến nghị đó làm cơ sở cho các thủ tục đánh giá tính phù hợp của mình, trừ khi các Thành viên giải thích một cách hợp lý khi được yêu cầu, rằng các hướng dẫn hoặc khuyến nghị đó, hoặc một bộ phận nào đó có liên quan của chúng được các Thành viên coi là không phù hợp, ví dụ với các lý do như yêu cầu về an ninh quốc gia; việc ngăn ngừa các hoạt động gian lận; bảo vệ sức khỏe và an toàn cho con người, bảo vệ sức khỏe động, thực vật hoặc bảo vệ môi trường; các yếu tố cơ bản về khí hậu và địa lý; các vấn đề cơ bản về kỹ thuật hoặc cơ sở hạ tầng.

5.5.Với mục tiêu hài hòa hóa các thủ tục đánh giá tính phù hợp trên phạm vi rộng, các Thành viên cần đóng góp hết sức, trong khả năng của mình, vào việc chuẩn bị các hướng dẫn và khuyến nghị về các tiêu chuẩn đánh giá tính phù hợp của các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế.

5.6. Khi bất kỳ một hướng dẫn hoặc các khuyến nghị liên quan nào đó do một cơ quan tiêu chuẩn hóa đề ra không còn tồn tại hoặc nội dung kỹ thuật của thủ tục đánh giá tính phù hợp được đề nghị không phù hợp với các hướng dẫn và khuyến nghị tương ứng của các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế và nếu thủ tục đánh giá tính phù hợp có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương mại của các Thành viên khác, thì các Thành viên sẽ:

5.6.1.công bố trên các ấn phẩm vào thời điểm sớm để thông báo cho các bên hữu quan của các Thành viên khác biết rằng nước mình dự định thực hiện một thủ tục đánh giá tính phù hợp cụ thể nào đó;

5.6.2. thông báo cho các Thành viên khác, qua Ban Thư ký, về các sản phẩm sẽ phải áp dụng thủ tục dự kiến về đánh giá tính phù hợp kèm theo, cùng với chỉ dẫn ngắn gọn về mục đích và lý do áp dụng. Thông báo này cần được thực hiện sớm để có thời gian thực hiện các sửa đổi và xem xét các ý kiến đóng góp;

5.6.3. khi được yêu cầu, phải cung cấp cho các Thành viên khác bản sao của thủ tục dự định áp dụng và, khi cần thiết, làm rõ những phần trong quy định này về bản chất khác với các hướng dẫn và khuyến nghị tương ứng của các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế;

5.6.4.trên cơ sở không phân biệt đối xử, dành thời gian hợp lý cho các Thành viên khác góp ý kiến bằng văn bản, thảo luận về các góp ý này khi được yêu cầu và có xem xét đến các ý kiến đóng góp và kết quả của các cuộc thảo luận này.

5.7.Nếu trong khi áp dụng các quy định nêu từ khoản 5.1 đến khoản 5.6 mà nảy sinh hoặc đe doạ nảy sinh các vấn đề khẩn cấp về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường hoặc an ninh quốc gia đối với một Thành viên nào đó, thì Thành viên này có thể bỏ qua các bước được nêu cụ thể trong khoản 6 nếu Thành viên này cho là cần thiết, tuy nhiên ngay sau khi thông qua thủ tục, Thành viên này sẽ:

5.7.1.ngay lập tức thông báo cho các Thành viên khác, qua Ban Thư ký, về thủ tục cụ thể đó và các sản phẩm là đối tượng của thủ tục này với chỉ dẫn ngắn gọn về mục tiêu và lý do áp dụng thủ tục, trong đó có nêu thực trạng của các vấn đề khẩn cấp;

5.7.2. khi được yêu cầu, cung cấp cho các Thành viên khác bản sao về các quy định của thủ tục;

5.7.3. trên cơ sở không phân biệt đối xử, cho phép các Thành viên khác góp ý bằng văn bản, thảo luận về các góp ý đó khi được yêu cầu và có xem xét đến các ý kiến đóng góp và kết quả của các cuộc thảo luận này.

5.8.Các Thành viên đảm bảo rằng tất cả các thủ tục đánh giá tính phù hợp được thông qua và công bố ngay hoặc được chuẩn bị sẵn sàng để tạo điều kiện cho các bên quan tâm của các Thành viên khác được biết.

5.9.Trừ các trường hợp khẩn cấp được đề cập đến trong khoản 7, các Thành viên cần tạo ra một khoảng thời gian hợp lý giữa thời điểm công bố các thủ tục đánh giá tính phù hợp và thời điểm các quy định đó bắt đầu có hiệu lực để có thời gian cho các nhà sản xuất ở các Thành viên xuất khẩu và đặc biệt là ở các nước Thành viên đang phát triển điều chỉnh các sản phẩm và phương pháp sản xuất cho phù hợp với các yêu cầu của Thành viên nhập khẩu.

***Điều 6:*** Công nhận sự đánh giá tính phù hợp của các cơ quan chính phủ

Đối với các cơ quan chính phủ:

6.1.Không ảnh hưởng đến các quy định của khoản 3 và 4, khi có thể, các Thành viên sẽ bảo đảm các kết quả của các thủ tục đánh giá tính phù hợp của các Thành viên khác được chấp nhận, thậm chí ngay cả khi các thủ tục đó khác với các thủ tục của nước mình, nếu nước Thành viên đó cảm thấy hài lòng rằng các thủ tục này phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật đang áp dụng tương ứng với các thủ tục của nước mình thừa nhận. Các cuộc tham vấn trước được công nhận là có thể cần thiết để đạt được sự hiểu biết lẫn nhau, đặc biệt là đối với:

6.1.1.năng lực kỹ thuật tương xứng và lâu dài của các cơ quan đánh giá tính phù hợp của nước Thành viên xuất khẩu, dẫn đến sự tin cậy đối với các kết quả đánh giá tính phù hợp; ví dụ sự tuân thủ các hướng dẫn và khuyến nghị tương ứng của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế cần được xem như một tiêu chí về đủ năng lực kỹ thuật;

6.1.2.hạn chế về chấp nhận các kết quả đánh giá tính phù hợp đối với các sản phẩm được sản xuất bởi các cơ quan được chỉ định ở nước Thành viên xuất khẩu.

6.2.Các Thành viên đảm bảo rằng các thủ tục đánh giá tính phù hợp của họ cho

phép, trên quy mô rộng, việc thực hiện các quy định của khoản 1.

6.3.Các Thành viên được khuyến khích, khi các Thành viên khác có yêu cầu, sẵn sàng đàm phán để ký kết các hiệp định công nhận lẫn nhau về kết quả của các thủ tục đánh giá tính phù hợp của mỗi Thành viên. Các Thành viên có thể đòi hỏi các thoả thuận này phải đảm bảo các tiêu chuẩn của khoản 1 và đem lại sự thoả mãn giữa các bên về khả năng tạo thuận lợi hóa cho thương mại các sản phẩm có liên quan.

6.4.Các Thành viên được khuyến khích cho phép các cơ quan đánh giá tính phù hợp nằm trên lãnh thổ của các Thành viên khác tham gia vào các thủ tục đánh giá tính phù hợp của mình với những đối xử không kém phần ưu đãi hơn các đối xử dành cho các tổ chức nằm trên lãnh thổ của mình hoặc lãnh thổ của bất cứ nước nào khác.

***Điều 7:***Các thủ tục đánh giá sự tính phù hợp của các cơ quan chính quyền địa phương

Đối với các cơ quan chính quyền địa phương trong lãnh thổ của mình:

7.1.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp sẵn có để đảm bảo các cơ quan này tuân thủ các quy định của Điều 5 và 6, trừ nghĩa vụ thông báo như nêu trong khoản 6.2 và 7.1 của Điều 5.

7.2.Các Thành viên đảm bảo rằng các thủ tục đánh giá tính phù hợp của chính quyền địa phương cấp dưới trực tiếp của chính phủ ở các nước Thành viên được thông báo theo các quy định của khoản 6.2 và 7.1 của Điều 5, tuy nhiên thủ tục đánh giá tính phù hợp sẽ không cần phải thông báo nếu như nội dung kỹ thuật của chúng cơ bản giống với nội dung của các thủ tục đánh giá tính phù hợp của các cơ quan chính phủ tại các nước Thành viên hữu quan đã được thông báo từ trước.

7.3.Các Thành viên có thể có yêu cầu liên hệ với các Thành viên khác về các nội dung trong đó có nghĩa vụ thông báo, cung cấp thông tin, góp đóng ý kiến, và thảo luận như được nêu tại khoản 6 và 7 của Điều 5, thông qua chính phủ.

7.4.Các Thành viên không được tiến hành các biện pháp nhằm yêu cầu hoặc khuyến khích các cơ quan của chính quyền địa phương trong lãnh thổ của mình hành động theo một cách thức nào đó mâu thuẫn với các quy định của Điều 5 và 6.

7.5.Các Thành viên hoàn toàn chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của Điều 5 và 6 theo Hiệp định này. Các Thành viên cần phải thiết lập và thực hiện các biện pháp và cơ chế tích cực để hỗ trợ các cơ quan không phải của chính phủ trung ương thực hiện các quy định của Điều 5 và 6.

***Điều 8:*** Các thủ tục đánh giá tính phù hợp của các tổ chức phi chính phủ

8.1.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng các tổ chức phi chính phủ trên lãnh thổ của mình thực hiện các thủ tục đánh giá tính phù hợp tuân thủ các quy định của Điều 5 và 6, trừ nghĩa vụ thông báo các thủ tục dự kiến về đánh giá tính phù hợp. Ngoài ra, các Thành viên không được tiến hành các biện pháp có tác động dù trực tiếp hay gián tiếp đến việc yêu cầu hoặc khuyến khích tổ chức này hành động theo cách thức nào mâu thuẫn với các quy định của Điều 5 và 6.

8.2.Các Thành viên sẽ đảm bảo rằng các cơ quan chính phủ trung ương của mình chỉ sử dụng các thủ tục đánh giá tính phù hợp của các tổ chức phi chính phủ khi các tổ chức này tuân thủ các quy định của Điều 5 và 6, ngoại trừ nghĩa vụ thông báo các thủ tục đánh giá tính phù hợp đó.

***Điều 9:*** Các hệ thống quốc tế và khu vực

9.1.Khi có yêu cầu bảo đảm về tính phù hợp với quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật, các Thành viên sẽ, khi nào thực tế cho phép, xây dựng hoặc chấp nhận các hệ thống quốc tế về đánh giá tính phù hợp và trở thành Thành viên, hoặc tham gia vào các hệ thống này.

9.2.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo rằng các hệ thống về đánh giá tính phù hợp của quốc tế và khu vực mà các cơ quan có liên quan nằm trên lãnh thổ của mình là thành viên hoặc bên tham gia tuân thủ các quy định của Điều 5 và 6. Ngoài ra, các Thành viên không được tiến hành các biện pháp có tác động dù trực tiếp hay gián tiếp đến việc yêu cầu hoặc khuyến khích các hệ thống này hành động theo cách thức nào mâu thuẫn với các quy định của Điều 5 và 6.

9.3.Các Thành viên cần đảm bảo rằng các cơ quan chính phủ trung ương của mình chỉ sử dụng các hệ thống đánh giá tính phù hợp chỉ khi các hệ thống này tuân thủ các quy định của Điều 5 và 6.

THÔNG TIN VÀ TRỢ GIÚP

***Điều 10:*** Các thông tin về các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự tính phù hợp

10.1.Các Thành viên sẽ đảm bảo rằng sẽ có một điểm hỏi đáp có khả năng trả lời tất cả các thắc mắc hợp lý của các Thành viên khác và các bên quan tâm của các Thành viên đó cũng như cung cấp các tài liệu có liên quan về:

10.1.1. bất cứ các quy định kỹ thuật nào được thông qua hoặc đề nghị bởi các cơ quan chính quyền trung ương hoặc địa phương, các tổ chức phi chính phủ tại lãnh thổ của mình mà có thẩm quyền buộc thi hành một quy định kỹ thuật, hoặc bởi các tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực mà các cơ quan này là thành viên hoặc bên tham gia;

10.1.2.bất cứ tiêu chuẩn nào được thông qua hoặc đề nghị bởi các cơ quan chính quyền trung ương hoặc địa phương, hoặc bởi các tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực mà các cơ quan này là thành viên hoặc bên tham gia;

10.1.3.bất cứ thủ tục đánh giá tính phù hợp nào hoặc các thủ tục dự kiến đánh giá tính phù hợp nào được thực hiện bởi các cơ quan chính quyền trung ương hoặc địa phương, hoặc các cơ quan phi chính phủ tại lãnh thổ của mình mà có thẩm quyền buộc thi hành một quy định kỹ thuật, hoặc bởi các tổ chức khu vực mà các cơ quan này là thành viên hoặc bên tham gia;

10.1.4.tư cách thành viên và bên tham gia của một Thành viên hoặc của các cơ quan của chính quyền trung ương hoặc địa phương có liên quan tại lãnh thổ của nước Thành viên đó vào các tổ chức tiêu chuẩn hoá và các hệ thống đánh giá tính phù hợp của quốc tế và khu vực, cũng như vào các thỏa thuận song phương hoặc đa phương trong phạm vi của Hiệp định này; Thành viên cũng có thể cung cấp các thông tin hợp lý về các quy định của các hệ thống và thỏa thuận này;

10.1.5.địa điểm phát hành thông báo theo Hiệp định này và nơi có thể tìm thấy thông tin này; và

10.1.6.địa điểm của các điểm hỏi đáp nêu ở khoản 3.

10.2.Tuy nhiên, nếu vì các lý do về luật pháp hay hành chính, một Thành viên thành lập từ hai điểm hỏi đáp trở lên, Thành viên đó sẽ cung cấp cho các Thành viên khác thông tin đầy đủ và rõ ràng về phạm vi trách nhiệm của các điểm hỏi đáp đó. Ngoài ra, Thành viên đó sẽ đảm bảo rằng một thắc mắc bất kỳ được chuyển đến một điểm hỏi đáp bất kỳ không thích hợp cần phải ngay lập tức được chuyển đến một điểm hỏi đáp thích hợp.

10.3.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp hợp lý để đảm bảo sự tồn tại của một hoặc nhiều điểm hỏi đáp để có thể trả lời các thắc mắc hợp lý của các Thành viên khác và các bên quan tâm của các Thành viên đó cũng như cung cấp các tài liệu hoặc thông tin về nơi cung cấp tài liệu liên quan đến:

10.3.1. bất cứ các quy định kỹ thuật nào được thông qua hoặc đề nghị bởi các cơ quan tiêu chuẩn hóa phi chính phủ, hoặc bởi các tổ chức tiêu chuẩn hóa khu vực mà các cơ quan này là Thành viên hoặc bên tham gia;

10.3.2.bất cứ thủ tục đánh giá tính phù hợp nào, hoặc bất cứ thủ tục đánh giá tính phù hợp nào được đề ra được thực hiện bởi các tổ chức phi chính phủ tại lãnh thổ của mình, hoặc bởi các tổ chức khu vực mà các tổ chức này là Thành viên hoặc bên tham gia;

10.3.3.tư cách Thành viên và việc tham gia của các tổ chức phi chính phủ có liên quan trên lãnh thổ của một nước Thành viên vào các tổ chức tiêu chuẩn hoá và các hệ thống đánh giá tính phù hợp của quốc tế và khu vực, cũng như vào các thỏa thuận song phương hoặc đa phương trong phạm vi của Hiệp định này; các Thành viên cũng có thể cung cấp các thông tin hợp lý về các quy định của các hệ thống và thỏa thuận này;

10.4.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo khi có yêu cầu của các Thành viên hoặc các bên quan tâm của các Thành viên khác, bản sao của các tài liệu, theo các quy định của Hiệp định này, được cung cấp với giá tương đương như nhau (nếu có), giá đó ngoài chi phí vận chuyển tài liệu, phải được áp dụng như nhau cho công dân của nước Thành viên có liên quan hoặc bất kỳ Thành viên nào khác.

10.5.Các Thành viên là các nước phát triển khi được các Thành viên khác yêu cầu cần phải cung cấp bản dịch tài liệu bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha kèm với một thông báo cụ thể, hoặc trong trường hợp khối lượng tài liệu quá lớn thì phải cung cấp bản tóm tắt của các tài liệu đó.

10.6.Ban Thư ký khi nhận được thông báo theo các quy định của Hiệp định này, sẽ luân chuyển bản sao của thông báo tới tất cả các Thành viên và các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và đánh giá tính phù hợp có liên quan và lưu ý các Thành viên là các nước đang phát triển chú ý tới bất kỳ thông báo nào liên quan đến các sản phẩm mà họ đặc biệt quan tâm.

10.7.Khi một Thành viên đạt được một thỏa thuận với một hoặc nhiều nước khác về các vấn đề liên quan đến các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc các thủ tục đánh giá tính phù hợp mà có thể có ảnh hưởng quan trọng đến thương mại, ít nhất một Thành viên tham gia hiệp định này cần phải thông báo cho các Thành viên khác về các sản phẩm nằm trong sự điều tiết của Hiệp định này và gửi kèm theo cả bản mô tả tóm tắt về hiệp định này thông qua Ban Thư ký. Các Thành viên có liên quan, khi được yêu cầu, cần được khuyến khích để tham gia vào các cuộc tham vấn với các Thành viên khác, khi được yêu cầu, với mục đích ký kết các hiệp định tương tự hoặc thu xếp việc tham gia vào các hiệp định này.

10.8.Không có quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là yêu cầu:

10.8.1.xuất bản các văn bản không phải bằng ngôn ngữ của Thành viên;

10.8.2.cung cấp các chi tiết hoặc bản sao của bản dự thảo không phải bằng ngôn ngữ của Thành viên trừ trường hợp nêu trong khoản 5 hoặc

10.8.3.các Thành viên có thể sửa đổi bất cứ thông tin nào mà họ cho rằng việc tiết lộ các thông tin đó đi ngược lại với lợi ích an ninh thiết thực của họ.

10.9.Thông báo gửi cho Ban Thư ký sẽ sử dụng tiếng Anh, Pháp hoặc Tây Ban Nha.

10.10.Các Thành viên sẽ chỉ định một cơ quan chính quyền trung ương chịu trách nhiệm về việc thi hành ở cấp độ quốc gia các quy định liên quan đến các thủ tục thông báo theo Hiệp định này trừ các quy định nêu trong Phụ lục 3.

10.11.Tuy nhiên, nếu vì các nguyên nhân pháp lý hoặc hành chính, trách nhiệm thông báo được phân bổ giữa hai hoặc nhiều cơ quan chính quyền trung ương, các Thành viên có liên quan sẽ cung cấp cho các Thành viên khác các thông tin đầy đủ và rõ ràng về phạm vi trách nhiệm của các cơ quan này.

***Điều 11:*** Trợ giúp kỹ thuật cho các Thành viên khác

11.1.Khi được yêu cầu, các Thành viên sẽ thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển về việc chuẩn bị các quy định kỹ thuật.

11.2.Khi được yêu cầu, các Thành viên sẽ thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, và sẽ dành sự trợ giúp kỹ thuật cho các Thành viên này theo các điều kiện và điều khoản được các bên thoả thuận liên quan tới việc thành lập các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia và việc tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và cần khuyến khích các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình làm tương tự như vậy.

11.3.Khi được yêu cầu, các Thành viên cần tiến hành các biện pháp hợp lý để tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý trên lãnh thổ của mình thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, và phải dành cho họ sự trợ giúp kỹ thuật theo các điều kiện và điều khoản đã được các bên thoả thuận đến:

11.3.1.việc thành lập các cơ quan quản lý hoặc các cơ quan đánh giá tính phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật;

11.3.2.các biện pháp đáp ứng tốt nhất các quy định kỹ thuật.

11.4.Khi được yêu cầu, các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để có thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, và phải dành cho họ sự trợ giúp kỹ thuật theo các điều kiện và điều khoản đã được các bên thoả thuận liên quan đến việc thành lập các cơ quan đánh giá tính phù hợp với các tiêu chuẩn đã được chấp nhận tại lãnh thổ của nước Thành viên đưa ra yêu cầu.

11.5.Khi được yêu cầu, các Thành viên sẽ thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển và phải dành cho họ sự trợ giúp kỹ thuật theo các điều kiện và điều khoản đã được các bên thoả thuận liên quan đến các hành động mà các nhà sản xuất ở nước Thành viên khác cần phải tiến hành nếu họ muốn tiếp cận với các hệ thống đánh giá tính phù hợp của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trên lãnh thổ của nước Thành viên nhận được yêu cầu.

11.6.Các Thành viên là thành viên hoặc bên tham gia vào các hệ thống đánh giá tính phù hợp quốc tế và khu vực, khi được yêu cầu, cần phải thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, và phải dành cho họ sự trợ giúp kỹ thuật theo các điều kiện và điều khoản đã được các bên thoả thuận về việc thành lập các thể chế hoặc các khung khổ pháp lý nhằm giúp họ hoàn thành các nghĩa vụ là Thành viên hoặc nghĩa vụ khi tham gia vào các hệ thống này.

11.7.Khi được yêu cầu, các Thành viên sẽ khuyến khích các cơ quan nằm trên lãnh thổ của mình là thành viên hoặc bên tham gia vào các hệ thống đánh giá tính phù hợp quốc tế và khu vực thông báo cho các Thành viên khác, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển và sẽ xem xét các yêu cầu của họ về trợ giúp kỹ thuật liên quan đến việc thành lập các tổ chức có thể giúp đỡ các cơ quan có liên quan trên lãnh thổ của mình hoàn thành các nghĩa vụ là Thành viên hoặc bên tham gia.

11.8.Trong khi cung cấp thông tin hoặc dành trợ giúp kỹ thuật cho các Thành viên khác theo như quy định từ khoản 1 đến 7, các Thành viên sẽ dành ưu tiên đến nhu cầu của các nước Thành viên kém phát triển nhất.

***Điều 12:*** Đối xử đặc biệt và khác biệt cho các Thành viên đang phát triển

12.1.Các Thành viên sẽ dành sự đối xử khác biệt hoặc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển là Thành viên của Hiệp định này thông qua các quy định dưới đây, cũng như qua các quy định có liên quan của các Điều khác của Hiệp định này.

12.2.Các Thành viên sẽ dành sự quan tâm đặc biệt đến các quy định của Hiệp định này liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Thành viên đang phát triển và sẽ xem xét các nhu cầu đặc biệt về tài chính, thương mại và phát triển của các nước Thành viên đang phát triển trong việc thực hiện Hiệp định này, cả trong phạm vi quốc gia và trong việc thực hiện các thoả thuận về thể chế của Hiệp định này.

12.3.Các Thành viên trong khi chuẩn bị và áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp, sẽ xem xét các nhu cầu đặc biệt về phát triển tài chính và thương mại của các Thành viên đang phát triển để đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp không tạo ra các trở ngại không cần thiết cho xuất khẩu của các nước Thành viên đang phát triển.

12.4.Các Thành viên công nhận rằng, mặc dù có thể tồn tại các tiêu chuẩn quốc tế, các hướng dẫn hoặc khuyến nghị, trong các điều kiện công nghệ và kinh tế xã hội đặc biệt của mình, các nước Thành viên đang phát triển chấp nhận một số quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc các thủ tục đánh giá tính phù hợp nhằm mục đích bảo vệ công nghệ bản địa, các phương pháp và các quy trình sản xuất phù hợp với nhu cầu phát triển của nước Thành viên đang phát triển đó. Các Thành viên, do đó, công nhận rằng các nước Thành viên đang phát triển sẽ không bị yêu cầu sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế làm cơ sở cho các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật của mình, trong đó có các biện pháp thử nghiệm, không phù hợp với các nhu cầu đặc biệt về tài chính, thương mại và phát triển của nước Thành viên đang phát triển.

12.5.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo các cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế và các hệ thống quốc tế về đánh giá tính phù hợp được tổ chức và hoạt động theo cách thức tạo thuận lợi cho sự tham gia tích cực của các cơ quan có liên quan tại tất cả các nước Thành viên, trong đó cần xem xét các vấn đề đặc biệt của các nước Thành viên đang phát triển.

12.6.Các Thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khi được yêu cầu bởi các nước Thành viên đang phát triển, phải xem xét đến khả năng, và nếu thấy thực thi được, chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến các sản phẩm các Thành viên đang phát triển đặc biệt quan tâm.

12.7.Theo các quy định của Điều 11, các Thành viên sẽ dành trợ giúp kỹ thuật cho các nước Thành viên đang phát triển để đảm bảo việc chuẩn bị, thông qua và áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp không tạo ra các cản trở không cần thiết cho việc mở rộng và đa dạng hóa xuất khẩu của các nước Thành viên đang phát triển. Khi quyết định các điều kiện cho trợ giúp kỹ thuật, sẽ xem xét các giai đoạn phát triển của Thành viên có yêu cầu và đặc biệt là các Thành viên chậm phát triển nhất.

12.8.Các nước Thành viên đang phát triển được thừa nhận có thể gặp phải các vấn đề đặc biệt, trong đó có các vấn đề về thể chế và cơ sở hạ tầng, trong việc chuẩn bị và áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp. Người ta cũng nhận thấy rằng các nhu cầu đặc biệt về phát triển và thương mại, cũng như các giai đoạn về phát triển công nghệ của các nước đang phát triển có thể làm cản trở khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của nước mình theo Hiệp định này. Do đó, các Thành viên sẽ cân nhắc đầy đủ đến yếu tố này. Vì vậy, để đảm bảo các nước Thành viên đang phát triển có thể tuân thủ Hiệp định này, Uỷ ban về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại được đề cập đến trong Điều 13 (trong Hiệp định này gọi tắt là Uỷ ban), khi được yêu cầu, được quyền dành những ngoại lệ cụ thể về thời gian, một phần hay toàn bộ, cho các nước đang phát triển được tạm thời không phải thực hiện nghĩa vụ của Hiệp định này. Trong khi xem xét các yêu cầu này, Uỷ ban sẽ xem xét các vấn đề đặc biệt, trong việc chuẩn bị và áp dụng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp và các nhu cầu đặc biệt về phát triển và thương mại của các nước Thành viên đang phát triển, cũng như giai đoạn về phát triển công nghệ của nước này mà có thể làm cản trở khả năng thực hiện nghĩa vụ của nước mình theo Hiệp định này. Uỷ ban sẽ đặc biệt xem xét các vấn đề đặc biệt của các nước Thành viên kém phát triển nhất.

12.9.Trong khi tiến hành tham vấn, các nước Thành viên phát triển sẽ ghi nhận những khó khăn mà các nước Thành viên đang phát triển đang gặp phải trong khi xây dựng và thực hiện các quy định, các tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá tính phù hợp, và với mong muốn trợ giúp các nước Thành viên đang phát triển trong vấn đề này, các nước Thành viên phát triển sẽ xem xét các nhu cầu đặc biệt của các nước Thành viên đang phát triển về mặt tài chính, thương mại và phát triển.

12.10. Uỷ ban sẽ kiểm tra định kỳ việc đối xử đặc biệt và khác biệt được dành cho các nước Thành viên đang phát triển ở mức quốc gia và quốc tế, như đã nêu trong Hiệp định này.

CÁC THỂ CHẾ, THAM VẤN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

***Điều 13:*** Uỷ ban về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại

13.1.Uỷ ban về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại được tuyên bố thành lập dưới đây với sự tham gia của các đại diện của mỗi Thành viên. Uỷ ban sẽ lựa chọn Chủ tịch và sẽ nhóm họp khi cần thiết, nhưng ít nhất mỗi năm một lần, với mục đích đem lại cho các Thành viên cơ hội tham vấn về bất cứ vấn đề nào có liên quan đến việc thực hiện Hiệp định này hoặc việc mở rộng thêm mục tiêu của Hiệp định và phải chịu các trách nhiệm như đã được giao theo Hiệp định này hoặc bởi các Thành viên.

13.2.Uỷ ban sẽ thành lập các nhóm công tác hoặc các cơ quan khác nếu thấy thích hợp, để thực thi trách nhiệm mà Uỷ ban giao cho, phù hợp với các quy định có liên quan của Hiệp định này.

13.3.Cần tránh trùng lắp không cần thiết trong khi thực hiện các công việc của Hiệp định này và công việc của chính phủ tại các cơ quan kỹ thuật khác. Uỷ ban sẽ xem xét vấn đề này nhằm giảm thiểu sự trùng lặp.

***Điều 14:***Tham vấn và giải quyết tranh chấp

14.1.Các cuộc tham vấn và giải quyết tranh chấp liên quan đến bất kỳ vấn đề nào có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hiệp định này sẽ được thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DSB) và sẽ tuân thủ các quy định của các Điều XXII, XXIII của GATT 1994 với các điều chỉnh, sửa đổi như đã được cụ thể hoá và áp dụng theo Thoả thuận về Nguyên tắc và Trình tự Giải quyết Tranh chấp.

14.2.Theo yêu cầu của một bên tham gia tranh chấp hoặc theo sáng kiến của chính mình, một Hội đồng có thể thành lập một Nhóm chuyên viên kỹ thuật để trợ giúp các vấn đề mang tính kỹ thuật đang được đặt ra mà đòi hỏi phải có sự xem xét chi tiết của các chuyên viên.

14.3.Các nhóm chuyên gia kỹ thuật sẽ tuân thủ các thủ tục nêu tại Phụ lục 2.

14.4.Các quy định về giải quyết tranh chấp nêu trên có thể được áp dụng trong trường hợp một Thành viên thấy rằng Thành viên khác không thực thi thoả đáng như quy định tại Điều 3, 4, 7, 8, 9 và các lợi ích thương mại của mình bị ảnh hưởng lớn. Trong trường hợp này, các kết quả này cần phải tương đương như kết quả có được khi coi cơ quan liên quan ở đây như một Thành viên.

CÁC QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG

***Điều 15:*** Các quy định cuối cùng Các bảo lưu

15.1.Các bảo lưu về bất cứ quy định nào của Hiệp định này có thể không được chấp nhận nếu không có sự đồng ý của các Thành viên khác.

Việc rà soát

15.2.Ngay sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên sẽ thông báo cho Uỷ ban về các biện pháp đang tồn tại hoặc đang được tiến hành để đảm bảo việc việc thực hiện và điều hành Hiệp định này. Bất cứ thay đổi nào về các biện pháp này đều sẽ được thông báo cho Uỷ ban.

15.3.Hàng năm, Uỷ ban sẽ rà soát lại việc thực hiện và hoạt động của Hiệp định này, trong đó có xem xét đến các mục tiêu của Hiệp định.

15.4Đến cuối năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực và cứ 3 năm một lần, Uỷ ban sẽ rà soát lại việc thực hiện Hiệp định này, trong đó có các quy định liên quan đến tính minh bạch để đưa ra đề nghị thực hiện các điều chỉnh thích hợp về quyền lợi và nghĩa vụ của Hiệp định này khi cần thiết để đảm bảo lợi ích kinh tế chung và sự cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, không trái với các quy định của Điều 12. Khi đã tích luỹ được các kinh nghiệm trong khi thực hiện Hiệp định này, khi thích hợp, Uỷ ban sẽ đệ trình các đề nghị sửa đổi nội dung của Hiệp định này lên Hội đồng Thương mại Hàng hóa.

**II. Về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và một số công việc để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật**

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại là các biện pháp áp dụng đối với hàng hóa khi lưu thông trong nước và qua biên giới (nhập khẩu hoặc xuất khẩu), như: quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn; yêu cầu về an toàn, chất lượng; yêu cầu về ghi nhãn, thông tin tiêu dùng; các thủ tục đăng ký nhập khẩu; các thủ tục kiểm tra, chứng nhận phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn;… Bài viết đề cập đến một số công việc được cho là cấp bách để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật trong thương mại thời gian tới.

***2.1 Hàng rào kỹ thuật có thực sự cản trở thương mại quốc tế?***

Không ít người vẫn còn mơ hồ về câu hỏi: Hàng rào kỹ thuật có thực sự cản trở thương mại quốc tế?, đặc biệt với Việt Nam - được coi là nước mới gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mặc dù gia nhập đã hơn 10 năm, vẫn là điều cần thiết. Theo phân loại năm 2012 của Tổ chức Thương mại và Phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD) có 175 biện pháp phi thuế quan trên thế giới được áp dụng, trong đó có 58 các biện pháp kỹ thuật (bao gồm cả SPS và TBT), chiếm 1/3. Hiểu một cách đơn thuần là trên thế giới cứ 3 biện pháp phi thuế được áp dụng thì có 1 hàng rào kỹ thuật, TBT hay SPS.

Câu hỏi tiếp theo là số lượng nhiều nhưng liệu nó có kéo theo các chi phí hay gây tổn thất đáng kể cho thương mại hay không? Chưa có một thống kê trên toàn thế giới hoặc ở một quốc gia về tổng số các chi phí hay tổn thất như vậy, tuy nhiên có thể lấy một ví dụ liên quan đến tiêu chuẩn của EC đối với hàm lượng độc tố nấm Aflatoxin1 trong ngũ cốc và các loại hạt (chủ yếu là lạc) để hình dung về mức độ ảnh hưởng này. Theo nghiên cứu của Wilson và Otsuki (2003), năm 1997 với lý do bảo vệ sức khỏe người dân, EC đã giảm hàm lượng này xuống mức 4ppb2 (riêng B1 là 2ppb), trong khi tiêu chuẩn của Codex3 là 9ppb. Theo tính toán4, việc thắt chặt tiêu chuẩn này của EC có thể làm giảm xuất khẩu ngũ cốc và hạt toàn cầu khoảng 3,1 tỷ USD, nhưng nếu các nước nhập khẩu, kể cả EU áp dụng tiêu chuẩn của Codex, thì xuất khẩu toàn cầu mặt hàng này có thể tăng đến 38,8 tỷ USD. Điều này cho thấy một tiêu chuẩn khi được áp dụng bắt buộc sẽ ảnh hưởng tới thương mại như thế nào, nó không chỉ làm giảm khả năng xuất khẩu mà còn hoàn toàn làm mất đi cơ hội xuất khẩu vì năng lực sản xuất, đặc biệt của các nước đang phát triển không thể đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu đặt ra.

Trong 2 thập kỷ qua, thế giới chứng kiến một sự gia tăng mạnh về số lượng hàng rào kỹ thuật trong bối cảnh thuế quan liên tục giảm theo các cam kết WTO và FTA5: Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB) và WTO, trong khi mức thuế trung bình trên thế giới giảm từ 13,1% năm 1995 xuống 7,1% năm 2014 (giảm gần 2 lần) thì các thông báo về các hàng rào kỹ thuật TBT cho WTO tăng từ 369 trong năm 1995 lên đến 2239 trong năm 2014 (tăng 6 lần). Lưu ý số lượng hàng rào SPS cũng diễn biến tương tự như vậy.

Có thể thấy, mục tiêu của Hiệp định TBT của WTO và các điều khoản TBT trong các FTA là thúc đẩy thương mại, tuy nhiên việc đạt được mục tiêu này hình như khó khăn và lâu dài hơn dự định. Ở một khía cạnh nào đó, một phần mục tiêu này cũng đạt được thông qua việc công khai, minh bạch các biện pháp TBT, tạo điều kiện cho người xuất khẩu biết trước các yêu cầu của thị trường mà có biện pháp đáp ứng. Tuy nhiên, những thách thức mới mà nhân loại phải đối mặt như vấn đề môi trường, tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt, khủng bố, an ninh mạng... cũng được các quốc gia đưa vào phạm vi điều chỉnh của TBT ngày một nhiều hơn, làm cho TBT ngày càng đa dạng, tinh vi hơn và hạn chế thương mại, cả ở khía cạnh tiêu cực và tích cực. Một trong các khía cạnh tiêu cực là có thể hạn chế hoạt động nhập khẩu trong ngắn hạn và một trong các khía cạnh tích cực là làm cho thương mại bền vững hơn trong dài hạn.

***2.2 Bản chất của hàng rào kỹ thuật là gì?***

Đây là các biện pháp áp dụng đối với hàng hóa khi lưu thông trong nước và qua biên giới (nhập khẩu hoặc xuất khẩu) như quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn; yêu cầu về an toàn, chất lượng; yêu cầu về ghi nhãn, thông tin tiêu dùng; các thủ tục đăng ký nhập khẩu; các thủ tục kiểm tra, chứng nhận phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn; các thủ tục kiểm dịch, vệ sinh, khử trùng, bảo quản, vận chuyển; yêu cầu về hệ thống chất lượng, hệ thống môi trường; yêu cầu về nhà xưởng, công nghệ thiết bị sản xuất, chế biến sản phẩm; yêu cầu về truy nguyên nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, tính hợp pháp của khu vực khai thác; yêu cầu về trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, tiết kiệm/bảo tồn năng lượng...

Các yêu cầu nói trên được thể hiện trong các văn bản pháp luật (ở Việt Nam gọi là quy chuẩn kỹ thuật) do các cơ quan nhà nước trung ương hoặc địa phương ban hành, trong các tiêu chuẩn được các tổ chức khác nhau thông qua và trong các quy trình, thủ tục đánh giá, kiểm tra, chứng nhận sự đáp ứng, tuân thủ các yêu cầu của các văn bản pháp luật và tiêu chuẩn đó.

Một đặc điểm mới cần lưu ý đó là ngày một nhiều các tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục đánh giá, kiểm tra, chứng nhận không phải do các cơ quan nhà nước ban hành hoặc áp đặt, mà do nhiều nhóm có chung lợi ích, cùng ý tưởng hoặc thế giới quan xây dựng và khuyến khích áp dụng. Các tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục như vậy được gọi chung là tiêu chuẩn tư nhân và hệ thống tự nguyện. Mọi người ở Việt Nam cũng không quá xa lại với một số logo dưới đây đại diện cho các tiêu chuẩn và hệ thống như vậy:

Một số các tiêu chuẩn tư nhân cũng được các thị trường, cơ quan nhà nước công nhận và trở thành rào cản thực sự đối với hàng xuất khẩu từ các nước đang phát triển nếu không đáp ứng các yêu cầu của chúng thông qua các chứng chỉ tương ứng, vì khá tốn kém về tiền bạc và thời gian để có những chứng chỉ như vậy.

***2.3 Các nước làm gì để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật?***

Để hạn chế tác động tiêu cực của hàng rào kỹ thuật đối với thương mại quốc tế, WTO thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và Hiệp định áp dụng các biện pháp vệ sinh động vật và thực vật (Hiệp định SPS, một dạng hiệp định TBT trong lĩnh vực nông sản, thực phẩm). Ngoài ra ở phạm vi khu vực, nhiều FTA cũng điều chỉnh các điều khoản liên quan đến TBT và SPS nhằm thuận lợi hóa thương mại như đã đề cập.

Theo đó các nguyên tắc/nghĩa vụ, như: không biệt đối xử (MFN, NT), không cản trở thương mại quá mức cần thiết, công khai-minh bạch, có căn cứ khoa học và dựa trên đánh giá nguy cơ/rủi ro, được áp dụng.

Để bảo đảm thực hiện các nguyên tắc trên, WTO và các FTA đều quy định nghĩa vụ thông báo các hàng rào kỹ thuật cho các nước thành viên, nhằm bảo đảm hàng xuất khẩu của một nước nhập khẩu vào các nước khác được thuận lợi không gặp những trở ngại không đáng có. Để phát hiện hiện ra các điểm bất hợp lý trong các biện pháp kỹ thuật của các nước khác, nhiều nước xây dựng hệ thống cảnh báo, hệ thống đối phó với hàng rào kỹ thuật.

Các nước có hệ thống cảnh báo và đối phó tốt với hàng rào kỹ thuật là những nước tích cực nêu quan ngại tại diễn đàn của Ủy ban Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của WTO. Điển hình là EU, Mỹ, Canada, Nhật Bản, Mexico, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc, Braxin... Hàn Quốc mới đây áp dụng một hệ thống đối phó với hàng rào kỹ thuật của nước ngoài một cách có hiệu quả thông qua hình thành cái gọi là Liên minh TBT (TBT Consortium). Liên minh này liên kết 19 hiệp hội chuyên ngành, 3 Viện Nghiên cứu Thử nghiệm và 5 Tổ chức Nghiên cứu, Xúc tiếnthương mại và Đầu tư. Tổ chức Xúc tiến Thương mại và Đầu tư của Hàn Quốc KOTRA làm tốt vai trò phát hiện các quy định kỹ thuật tại các thị trường trọng điểm. Các hàng rào kỹ thuật của nước ngoài ảnh hưởng tới thương mại của Hàn Quốc được đánh giá phân tích sâu và tìm các biện pháp đối phó. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) được Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ thông qua các dự án, tối đa 200.000 USD/1dự án để nâng cao năng lực đối phó. Các quan ngại thương mại của Hàn Quốc được dàn xếp trong WTO chiếm khoảng 40% (trong 3 năm 2014-2016) và số còn lại được tiếp tục tham vấn song phương trực tiếp với tỷ lệ giải quyết đạt trên 80%. Điều này giúp cho việc xuất khẩu các mặt hàng mà Hàn Quốc quan ngại được tiếp tục thuận lợi do không gặp phải những rào cản phát sinh bởi quy định mới của thị trường xuất khẩu.

Hàng rào kỹ thuật không chỉ đến từ nước ngoài mà phát sinh ngay tại trong nước, khi các cơ quan quản lý quan liêu, không bảo đảm nguyên tắc công khai - minh bạch, không tham vấn thực chất với các bên chịu tác động trong xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, không tiến hành đánh giá tác động, phân tích nguy cơ rủi một cách khoa học và bài bản trước khi ban hành.

Ví dụ sau đây cho thấy Mỹ bảo đảm các nguyên tắc của Hiệp định TBT cũng như tôn trọng việc tham vấn với các bên có liên quan cả trong nước và nước ngoài như thế nào khi xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật (theo cách gọi của Mỹ, nhưng thực chất là quy chuẩn kỹ thuật theo Hiệp định TBT). Bộ Năng lượng Mỹ trước khi ban hành tiêu chuẩn về bảo tồn năng lượng đối với tủ làm mát, tủ đông đã mất thời gian 5 năm (2011-2016) để thực hiện các đánh giá tác động và tìm ra phương án tối ưu. Tất cả các kết quả đánh giá tác động về xã hội, sản xuất và tiêu dùng và phân tích, giải trình về các phương án đều được công bố công khai trên Công báo Liên bang. Sau khi lựa chọn, phương án tối ưu đáp ứng được yêu cầu về quản lý như tiết kiệm năng lượng, các yếu tố về lao động, việc làm và tiêu dùng cũng như các chi phí gia tăng của người sản xuất được công bố đầu năm 2017 kèm theo lộ trình áp dụng và sẽ được thông qua nếu không gặp ý kiến phản đối từ các tổ chức, cá nhân trong nước và các thành viên WTO (Thông báo của Mỹ cho WTO mã số G/TBT/N/USA/1215). Theo đó, lộ trình 2019-2048 và lộ trình 2021-2050 được áp dụng cho các mức tiêu chuẩn thử nghiệm khác nhau. Như vậy, thời gian tiêu chuẩn này từ lúc chuẩn bị xây dựng cho đến lúc có hiệu lực là 7 năm và 10 năm theo lộ trình tương ứng; và tiêu chuẩn dự kiến tồn tại trong vòng 30 năm.

Ở ví dụ khác, Hàn Quốc thường xuyên rà soát các quy chuẩn kỹ thuật do các cơ quan nhà nước xây dựng nhằm tránh những trở ngại không cần thiết cho thương mại trong nước. Riêng năm 2015, Hàn Quốc rà soát 203 quy chuẩn, trong đó hủy bỏ 36 (18%), hoàn thiện 77 (37%), sáp nhập 36 (18%) và duy trì 54 (27%). Như vậy, chỉ có 27% quy chuẩn còn đáp ứng bối cảnh hiện tại được duy trì, 73% số còn lại một số phải loại bỏ vì không đáp ứng và một số phải điều chỉnh cho phù hợp. Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho sản xuất, thương mại nhưng tránh việc lạm dụng của người sản xuất khi chuyển từ cơ chế chứng nhận (bắt buộc) sang cơ chế tự công bố của người sản xuất/người cung ứng (chuyển tiền kiểm sang hậu kiểm-postmarket surveillance), Hàn Quốc giảm việc kiểm soát trực tiếp nhưng tăng cường việc giám sát trên thị trường.

Sự đổi mới phương thức tiếp cận của Hàn Quốc trong quản lý chất lượng hàng hóa mang lại hiệu quả rõ rệt: Tỷ lệ hàng hóa không đạt yêu cầu giảm đáng kể, chỉ còn 10% năm 2013, trong khi số lượng hàng hóa được giám sát trong lưu thông nhiều hơn 1000 mặt hàng so với năm trước.

***2.4 Việt Nam đã làm gì để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật?***

Trước khi gia nhập WTO, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ quản lý chuyên ngành đề xuất với Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án thực thi Hiệp định TBT ở Việt Nam. Việc thực hiện Đề án trong giai đoạn 2005-2010 và 2011-2015 đã giúp cho Việt Nam hoàn thiện đáng kể hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), hình thành mạng lưới các cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp quốc gia về TBT nhằm đáp ứng nghĩa vụ minh bạch hóa theo quy định của Hiệp định TBT.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan và thẳng thắn, việc hạn chế tiêu cực của hàng rào kỹ thuật của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chưa được tổ chức tốt, mặc dù quy trình được Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chặt chẽ. Việt Nam chưa hình thành được một hệ thống đối phó với hàng rào kỹ thuật hoạt động có hiệu quả như của Hàn Quốc: trong 10 năm gia nhập WTO, Việt Nam chưa một lần nêu quan ngại của mình đối với hàng rào kỹ thuật của các thành viên WTO khác, cũng như chưa một lần tham gia là bên thứ ba (quan sát viên) trong các quan ngại và tranh chấp về TBT tại WTO. Có thể chỉ ra nguyên nhân chính sau: các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ về ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật của nước ngoài đối với thương mại của Việt Nam, còn quá dè dặt trong việc nêu quan ngại, sự phối hợp và đồng thuận giữa các Bộ vì lợi ích chung chưa tốt, bên cạnh đó chưa có cơ chế hữu hiệu và chưa huy động đầy đủ các nguồn lực để có thể đối phó với các tác động tiêu cực của hàng rào của nước ngoài một cách hiệu quả.

Trong khi đó, khá nhiều các quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quản lý tương tự được các cơ quan trong nước xây dựng, ban hành6 trong một thời gian quá ngắn thông thường 1, 2 năm, còn mang tính duy ý chí, không thực hiện việc đánh giá tác động của chúng một cách thực chất và khoa học đối với sản xuất, tiêu dùng, môi trường và các mục tiêu xã hội khác. Điều này làm cho nhiều quy định không khả thi, không những không mang lại hiệu quả quản lý như mong muốn, mà ngược lại, lại tạo ra những trở ngại không cần thiết như tăng chi phí và tốn thời gian cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc không thường xuyên và chủ động soát xét, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các quy định quản lý kỹ thuật đã ban hành làm cho nhiều văn bản không còn phù hợp với bối cảnh mới không được sửa đổi, hoàn thiện hoặc loại bỏ, tạo nên sức ỳ trong quản lý, vô hình chung cản trở sự phát triển của sản xuất, kinh doanh. Theo tính toán chưa đầy đủ của Viện Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), hàng năm các thủ tục quản lý chuyên ngành không cần thiết đã tiêu tốn khoảng 1.600 tỷ đồng của các doanh nghiệp, chưa kể các chi phí phát sinh và chi tiêu ngân sách để nuôi bộ máy phục vụ cho các hoạt động này.

Thấy được điều này, trong năm 2016-2017, Chính phủ chỉ đạo sát sao các Bộ xem xét loại bỏ các thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết, áp dụng phương thức quản lý hiệu quả hơn như hậu kiểm thay cho tiền kiểm, đánh giá tác động quản lý, nguy cơ, rủi ro một cách định lượng trước khi thông qua quy định, tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát trong lưu thông hàng hóa... Kết quả của quá trình này là một loạt các văn bản quản lý kỹ thuật được soát xét, sửa đổi bổ sung, các phương thức quản lý ít hạn chế thương mại hơn được áp dụng, môi trường sản xuất, kinh doanh, trong đó hoạt động xuất nhập khẩu được cải thiện đáng kể, góp một phần vào việc kinh tế Việt Nam năm 2017 đạt được hầu hết các mục tiêu phát triển đề ra.

***2.5 Việt Nam cần tiếp tục làm gì để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật?***

Có rất nhiều việc cần làm, tuy nhiên xin đề cập đến một số công việc được cho là cấp bách sau.

Thứ nhất, việc cần làm đầu tiên để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật cả của nước ngoài và ở trong nước đó chính là cần nhận thức lại về ảnh hưởng của chúng đối với sản xuất kinh doanh và cần có cam kết chính trị về vấn đề này ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương cho đến địa phương. Điều này là tiên quyết vì không có chỉ đạo và giám sát từ cấp cao nhất thì chủ trương chính sách không thể đi vào đời sống và thành công. Không khó để thấy tầm quan trọng của việc cam kết của lãnh đạo trong áp dụng Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 ở Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ hai, để không thua trên sân nhà, cần xem xét hình thành một cơ chế và hệ thống cơ quan, tổ chức chuyên nghiệp thực hiện việc đánh giá tác động quản lý (Regulatory Impact Assessment/Analysis - RIA) đối với các biện pháp TBT và SPS ở trong nước. Hệ thống này sẽ tiết kiệm cho nhà nước các tổn thất mà các biện pháp này có thể gây ra cho thương mại của Việt Nam nhiều hơn các chi phí để hình thành và vận hành chúng. Liên quan đến vấn đề này, từng có dự án PERQ của Hoa Kỳ giúp hình thành một bộ phận RIA tại CIEM, tuy nhiên bộ phận này đến nay cũng không còn hoạt động do không có đặt hàng từ các Bộ và mô hình này cũng không được nhân rộng tại các Bộ.

OECD7 và APEC8 đã đưa ra khuyến cáo nếu phương án thay thế chưa được đánh giá tác động một cách cẩn thận và khoa học thì tốt nhất là duy trì biện pháp hiện hành. Điều này đáng lẽ nên được áp dụng với Việt Nam trong thời gian qua, đặc biệt trong lĩnh vực TBT và SPS, bởi tính không lường trước được những tổn thất mà chúng có thể gây ra nếu không được đánh giá, xác định một cách thực chất, bài bản và đầy đủ.

Thứ ba, cần thay đổi phương thức xây dựng kế hoạch và tiến độ xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn. Do việc đánh giá tác động và tham vấn các bên có liên quan trong quá trình xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn có chất lượng cần nhiều thời gian và kinh phí, vì vậy cần thay đổi cơ chế lập và thực hiện kế hoạch xây dựng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật. Có nghĩa là kế hoạch, tiến độ và kinh phí cho việc xây dựng này phải phụ thuộc vào các công việc cần làm và thời gian cần thiết để triển khai các công việc đó đối với từng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chứ không ngược lại (như lâu nay việc xây dựng quy chuẩn/tiêu chuẩn được ấn định theo kế hoạch hàng năm, không xong là cắt). Việc xây dựng quy chuẩn/tiêu chuẩn không làm dàn trải mà phải có trọng tâm, trọng điểm, không vì số lượng mà cần chất lượng. Nếu không chúng ta sẽ không có các quy chuẩn, tiêu chuẩn có chất lượng và khả thi, trong khi lại có nhiều quy chuẩn, tiêu chuẩn không được đánh giá đầy đủ, từ đó nguy cơ tạo ra các rào cản thương mại là rất lớn cho chính các doanh nghiệp của chúng ta. Từ ví dụ xây dựng tiêu chuẩn của Mỹ cho thấy không thể áp đặt thời hạn ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn một cách duy ý chí, trừ một số trường hợp khẩn cấp, ví dụ như dịch bệnh, ô nhiễm nghiêm trọng trên diện rộng, vấn đề an ninh...

Thứ tư, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các biện pháp quản lý như cấp phép, kiểm tra, chứng nhận phải được soát xét, đánh giá hiệu quả áp dụng một cách thường xuyên nhằm loại bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, bối cảnh quản lý.

Thứ năm, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống đối phó với TBT của nước ngoài trên cơ sở tham khảo các hệ thống của các nước, đặc biệt là của Hàn Quốc như đã đề cập ở trên. Căn cứ pháp lý để xây dựng hệ thống này là Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Trung tâm của hệ thống này phải là Ban liên ngành TBT. Ngoài những thành phần Ban liên ngành TBT nêu trong Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg, cần xem xét bổ sung thêm các hiệp hội chuyên ngành; các viện, trung tâm thử nghiệm, nghiên cứu chuyên ngành để việc đánh giá được thực chất và định lượng và các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để phát hiện kịp thời các quy định kỹ thuật của các nước cản trở thương mại của Việt Nam song không được thông báo cho WTO.

Hy vọng trong năm mới và những năm tiếp theo, tầm quan trọng của hàng rào kỹ thuật không chỉ trên văn bản mà sẽ đi vào đời sống thông qua những cơ chế và hệ thống đối phó với chúng một cách hữu hiệu góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, để không bị thua ở chính trên sân nhà, phải làm sao thương mại Việt Nam, ngoài những yếu tố khác, không bị ảnh hưởng bởi những quy chuẩn, tiêu chuẩn kém chất lượng do không được đánh giá tác động một cách thực chất và chậm được soát xét, sửa đổi cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn đã thay đổi.

**III. Hiệp định thương mại tự do: các cam kết liên quan đến lĩnh vực KH&CN**

Tự do hoá thương mại đã và đang là xu thế của kinh tế thế giới, nổi bật là việc hình thành các hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa các quốc gia và khu vực. Việt Nam đã tham gia tích cực, chủ động và đã ký kết nhiều FTA song phương, đa phương với các đối tác thương mại. Trong các hiệp định này, lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN), cụ thể liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, sở hữu trí tuệ luôn là một trong những nội dung đàm phán, ký kết quan trọng.

***3.1 Các hiệp định của WTO liên quan đến lĩnh vực KH&CN***

Năm 2007, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và bắt buộc phải thực hiện cam kết trong hệ thống các hiệp định của tổ chức này. Trong đó, riêng lĩnh vực KH&CN bị điều chỉnh bởi các hiệp định như TRIPS (về sở hữu trí tuệ), TBT (hàng rào kỹ thuật trong thương mại), SPS (an toàn và vệ sinh động, thực vật).

Trong quá trình thực thi các hiệp định trên, đã triển khai đồng bộ các hoạt động, từ xây dựng chính sách, hoàn thiện thể chế, chỉ đạo điều hành để tuân thủ các cam kết, đồng thời tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam, như: xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thông tư quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng; thông tư quy định quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ; xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) cũng như xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đối với một số sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực năng lượng, cơ khí, luyện kim, dầu khí… Tính đến nay, hệ thống TCVN của Việt Nam là trên 12.000, tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước ngoài là 54%. Tổng số QCVN của Việt Nam là khoảng hơn 700.

Với kết quả này, có thể nhận thấy, việc xây dựng và ban hành TCVN, QCVN đã đóng góp rất lớn trong việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh và quản lý nhà nước của ngành; giúp cho công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả hơn; đóng góp không nhỏ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu hướng, thông lệ quốc tế trong việc sử dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là công cụ và căn cứ khoa học phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, kiểm soát an toàn, vệ sinh, môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, động, thực vật đã nêu trong các Hiệp định WTO/TBT, SPS.

***3.2 Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)***

Đây là một trong những hiệp định đa phương có nhiều tác động đến các ngành có thế mạnh của Việt NamCụ thể, các quy định tại chương: dệt may, các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), sở hữu trí tuệ… là những cam kết có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực KH&CN.

Nhằm bảo vệ và mở rộng thị trường cho các sản phẩm thế mạnh nêu trên, Việt Nam đang tiếp tục rà soát và nghiên cứu các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên CPTPP để đưa ra những biện pháp phù hợp về hàng rào kỹ thuật hay xúc tiến kịp thời việc hỗ trợ năng suất, chất lượng cho các sản phẩm trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước.

***3.3 Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu  (EVFTA)***

Hiệp định EVFTA có nhiều chương và bao trùm nhiều lĩnh vực. Về cơ bản, hệ thống hiện tại có thể đáp ứng được các cam kết này. Tuy nhiên, một số nội dung sẽ tiếp tục được rà soát, triển khai thực hiện để đáp ứng mức tuân thủ cao hơn hiệp định WTO như: rà soát các QCVN hiện hành cũng như tăng cường viện dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế như ISO, IEC, Codex có liên quan trong xây dựng các QCVN mới; tăng cường cập nhật danh mục quy chuẩn của EU đối với các sản phẩm hàng hóa xuất/nhập khẩu liên quan thị trường này để xem xét công nhận các quy chuẩn tương đương; tăng cường thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp được thực hiện trên lãnh thổ của đối tác; xem xét chấp nhận và áp dụng tiêu chuẩn IEC (Ủy ban chứng nhận an toàn điện) trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và thừa nhận kết quả thử nghiệm, chứng nhận của IEC đối với lĩnh vực này.

***3.4 Cơ hội, thách thức và giải pháp triển khai khi thực thi các hiệp định FTA***

Về cơ hội, việc Việt Nam ký kết các hiệp định FTA song phương và đa phương đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng thị trường, tiếp cận và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bởi phần lớn các rào cản và điều kiện trong thương mại đã được cam kết dỡ bỏ, chủ yếu là các hàng rào thuế quan (hầu hết về 0 hoặc dưới 5%) đã mang lại lợi thế cạnh tranh vô cùng lớn và triển vọng sán lạn cho nhiều ngành sản xuất, kéo theo đó là lợi ích cho một bộ phận lớn người lao động trong các công ty có hoạt động xuất nhập khẩu, tạo ra nhiều việc làm hơn. Bên cạnh đó, các rào cản về thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính cũng được giảm thiểu, tạo điều kiện để doanh nghiệp thâm nhập vào các thị trường lớn thuận lợi hơn; người tiêu dùng được bảo đảm lựa chọn các sản phẩm đa dạng, chất lượng hơn.

Đối với lĩnh vực KH&CN, khi được hưởng ưu đãi theo các FTA, lượng vốn đầu tư vào Việt Nam sẽ gia tăng, thu hút được các lao động trí thức, có tay nghề cao từ nước ngoài tới Việt Nam làm việc, các doanh nghiệp cũng có cơ hội tiếp thu KH&CN tiên tiến từ các nước phát triển. Nói cách khác, nhờ tham gia các FTA mà doanh nghiệp có thêm cơ hội tranh thủ được vốn đầu tư nước ngoài, công nghệ và các nguồn lực quan trọng khác. Lợi thế này không chỉ nhìn từ góc độ hiện tại mà còn là tiềm năng phát triển trong tương lai.

Tuy nhiên, khi tham gia ký kết các FTA, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như:

Một là, khi thị trường mở rộng, các công ty của nước ngoài cũng sẽ có những cơ hội thuận lợi để thâm nhập thị trường trong nước. Đặt trên cán cân, rõ ràng các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế nguồn lực như vốn, công nghệ, trình độ sản xuất và quản lý, kinh nghiệm thương trường lớn mạnh hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong nước.

Hai là, về vấn đề rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ hàng hóa nghiêm ngặt. Đối với các FTA Việt Nam mới ký kết, gia nhập gần đây thì việc nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ không khả thi như kỳ vọng. Đây là một bất lợi vì Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên phụ liệu để gia công hàng xuất khẩu, cho nên nếu không chuyển vùng nguyên liệu từ nhập khẩu sang trong nước cung cấp, hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ không được hưởng các ưu đãi thuế liên quan đến xuất xứ hàng hóa. Ngoài ra, các quy định kỹ thuật như bao gói, nhãn mác, dư lượng hóa chất tối đa… cũng là những rào cản kỹ thuật chính cho hàng xuất khẩu của Việt Nam (đặc biệt là hàng nông sản của Việt Nam có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ - SPS). Theo thông lệ quốc tế, các nước được quyền đưa ra các quy chuẩn mang tính hàng rào kỹ thuật để bảo vệ các lợi ích thiết yếu chính đáng. Do đó, để có thể xâm nhập được vào các thị trường này, hàng hóa Việt Nam buộc phải đáp ứng các quy chuẩn kể cả ở mức rất cao ở những thị trường như Châu Âu, Mỹ ...

Ba là, ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics ở Việt Nam chưa phát triển mạnh nên chí phí của nền kinh tế sẽ còn cao so với các quốc gia khác…

Như vậy, với một số hiệp định lớn như WTO, CPTPP và EVFTA nêu trên đã cho thấy lĩnh vực KH&CN đã và đang đóng vai trò là thành phần then chốt và cốt lõi trong các FTA. Để đảm bảo hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển của thương mại và công nghiệp, cần tiếp tục triển khai một số kế hoạch quan trọng sau:

Thứ nhất, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 nhằm hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hóa; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa.

Thứ hai, xây dựng và ban hành kế hoạch hành động về sở hữu trí tuệ thực hiện Quyết định 1068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 nhằm triển khai các giải pháp liên quan đến các vấn đề lớn trong quản lý nhà nước về đấu tranh chống hàng giả, buôn lậu, gian lận thương mại, sở hữu trí tuệ…, đảm bảo điều kiện phát triển bền vững thị trường và các ngành sản xuất.

Thứ ba, xây dựng và ban hành kế hoạch hành động tăng cường hàng rào kỹ thuật trong thương mại cho sản phẩm, hàng hóa công nghiệp đến năm 2025 nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn; yêu cầu về an toàn, chất lượng; yêu cầu về ghi nhãn, thông tin tiêu dùng; các thủ tục đăng ký nhập khẩu; các thủ tục kiểm tra, chứng nhận phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn… khi thực hiện các FTA.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Thứ năm, rà soát, xây dựng lộ trình và triển khai xây dựng, hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật phù hợp cam kết quốc tế. Trên cơ sở đó, chúng ta mới có thái độ khoa học, thận trọng và sẵn sàng trước những thách thức, bất lợi mà các FTA có thể đưa đến. Cũng như các quốc gia Đông Á khác, hun đúc quyết tâm đẩy mạnh cải cách bên trong, cải cách chính mình, từ thể chế cho đến chính sách, từ phương thức lãnh đạo cho đến cơ chế điều hành quá trình hội nhập và phát triển đất nước chính là tư tưởng bao trùm để vượt qua thách thức của thời kỳ hội nhập.

Đây chính là những nhiệm vụ mà KH&CN đặt ra trong năm 2020 và những năm tiếp theo, nhằm đóng góp vào mục tiêu chung là tận dụng những cơ hội và hạn chế những thách thức của hội nhập kinh tế, trên cơ sở đó, nâng cao vị thế cũng như thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam; đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng và thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN trong thời kỳ mới.